



*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
ĐẮK LẮK**

**Báo cáo tài chính năm 2015  
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015**

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÍN VIỆT-AICA**

Địa chỉ: 130 Duy Tân, P. 15, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08) 6299 1999 ; Fax: (08) 6299 1930

## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	03 - 04
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Bảng kết quả hoạt động kinh doanh	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 21

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015.

### **I. CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước và Đầu Tư Xây Dựng Đắk Lắk là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cấp thoát nước Đắk Lắk thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk;

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.04.000006 của Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 04 năm 2006 .

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư : 196,827,177,746 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 339 Tôn Đức Thắng, P.Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Cấp nước, xây dựng.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

-Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Mua, bán vật tư, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành cấp thoát nước; Khoan thăm dò, khai thác nước ngầm; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp thủy lợi, cấp thoát nước đô thị.

### **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **IV. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP**

#### **Ban Giám đốc**

Ông	TRẦN VĂN THIỆN	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông	TRẦN VĂN THIỆN	Đại diện pháp luật
Ông	NGUYỄN VĂN TIN	Phó Giám đốc
Ông	NGUYỄN KHẮC DẪN	Phó Giám đốc
Bà	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Phó Giám đốc
Ông	TRẦN TRỌNG PHÁT	Kế toán trưởng

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tin Việt-AICA bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2015 từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015.

Duyệt, ngày 03 tháng 03 năm 2016

Giám đốc

TRẦN VĂN THIÊN



TRẦN VĂN THIÊN



Số: 156 /BCKT/TC/2016

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu và Tổng Giám đốc**  
**của CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK, được lập ngày 03/03/2016, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kiểm toán viên

Lê Hồng Trung

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 083-2014-187-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>82,557,483,205</b>	<b>89,555,373,310</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>26,680,838,052</b>	<b>38,619,275,408</b>
Tiền	111		17,680,838,052	34,619,275,408
Các khoản tương đương tiền	112		9,000,000,000	4,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>40,395,287,113</b>	<b>34,169,529,708</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	27,271,319,925	23,981,414,453
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2,940,692,203	645,426,945
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	10,731,529,504	10,090,942,829
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(548,254,519)	(548,254,519)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>15,468,740,373</b>	<b>16,390,124,595</b>
Hàng tồn kho	141		15,468,740,373	16,390,124,595
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12,617,667</b>	<b>376,443,599</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	362,912,751
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		12,617,667	13,530,848
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>270,291,403,211</b>	<b>188,772,532,100</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>225,009,145,880</b>	<b>150,810,201,464</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	224,375,815,778	149,956,937,534
- Nguyên giá	222		398,282,948,800	303,529,765,558
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173,907,133,022)	(153,572,828,024)
Tài sản cố định vô hình	227	V.07	633,330,102	853,263,930
- Nguyên giá	228		1,127,959,090	1,127,959,090
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(494,628,988)	(274,695,160)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40,782,849,262</b>	<b>32,983,498,909</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	40,782,849,262	32,983,498,909
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,499,408,069</b>	<b>4,978,831,727</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	4,499,408,069	4,978,831,727
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>352,848,886,416</b>	<b>278,327,905,410</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37,642,410,438</b>	<b>64,308,785,052</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37,642,410,438</b>	<b>50,308,785,052</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	13,561,429,791	22,513,126,696
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15,671,271	76,830,859
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2,132,030,260	878,068,015
Phải trả người lao động	314		7,538,105,528	11,036,094,387
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	10,763,747,973	10,838,359,726
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,631,425,615	4,966,305,369
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>14,000,000,000</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	14,000,000,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>315,206,475,978</b>	<b>214,019,120,358</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>315,206,475,978</b>	<b>214,019,120,358</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		183,353,861,697	183,353,861,697
Quỹ đầu tư phát triển	418		10,530,599,477	10,494,546,457
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3,908,204	3,908,204
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		121,318,106,600	20,166,804,000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>352,848,886,416</b>	<b>278,327,905,410</b>

Người lập biểu



ĐẶNG THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



TRẦN TRỌNG PHÁT



TRẦN VĂN THIÊN



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	101,867,109,047	102,860,699,730
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	56,261,775	133,629,870
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>101,810,847,272</b>	<b>102,727,069,860</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.02	83,770,762,280	82,637,616,583
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>18,040,084,992</b>	<b>20,089,453,277</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	333,341,096	354,156,594
Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13,418,913,303	15,283,907,950
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4,954,512,785</b>	<b>5,159,701,921</b>
Thu nhập khác	31	VI.04	449,858,824	721,917,199
Chi phí khác	32	VI.05	534,330,808	204,520,302
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(84,471,984)</b>	<b>517,396,897</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4,870,040,801</b>	<b>5,677,098,718</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	1,167,215,264	1,602,646,333
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3,702,825,537</b>	<b>4,074,446,285</b>

Người lập biểu



**ĐẶNG THỊ NGỌC LINH**

Kế toán trưởng



**TRẦN TRỌNG PHÁT**



**TRẦN VĂN THIÊN**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		109,197,745,043	111,849,721,649
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(39,629,554,944)	(35,748,928,964)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(41,730,158,603)	(36,037,843,441)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(746,635,920)	(1,783,927,135)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12,943,692,544	2,426,330,524
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-	(15,770,268,751)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>40,035,088,120</b>	<b>24,935,083,882</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(38,306,866,572)	(18,990,181,330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	125,400,000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		333,341,096	354,156,594
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(37,973,525,476)</b>	<b>(18,510,624,736)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	14,000,000,000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14,000,000,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14,000,000,000)</b>	<b>14,000,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(11,938,437,356)</b>	<b>20,424,459,146</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>38,619,275,408</b>	<b>18,194,816,262</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>26,680,838,052</b>	<b>38,619,275,408</b>

Người lập biểu

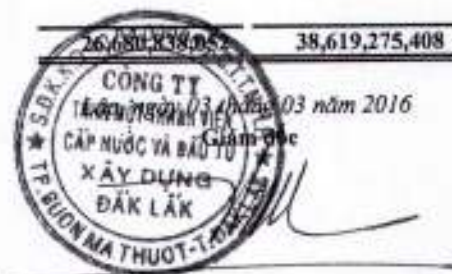
Kế toán trưởng



**ĐẶNG THỊ NGỌC LINH**



**TRẦN TRỌNG PHÁT**



**TRẦN VĂN THIÊN**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước và Đầu Tư Xây Dựng Đắk Lắk là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cấp thoát nước Đắk Lắk thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk; Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.04.000006 của Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 04 năm 2006 .

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư : 196,827,177,746 VND  
Trụ sở chính của Công ty tại 339 Tôn Đức Thắng, P.Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Cấp nước, xây dựng.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

-Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Mua, bán vật tư, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành cấp thoát nước; Khoan thăm dò, khai thác nước ngầm; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp thủy lợi, cấp thoát nước đô thị.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng****II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
  - Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.
- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**b. Phương tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: đích danh.

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuế hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuế tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 05 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

**b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

**c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái ...

**c. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

**10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có). Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### 14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền mặt</b>	<b>231,016,790</b>	<b>58,233,713</b>
<i>Văn phòng công ty</i>	<i>230,918,715</i>	<i>58,075,786</i>
<i>Xí nghiệp tư vấn</i>	<i>98,075</i>	<i>157,927</i>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>17,449,821,262</b>	<b>34,561,041,695</b>
<i>Văn phòng công ty</i>	<i>17,422,303,885</i>	<i>34,558,847,297</i>
<i>Xí nghiệp tư vấn</i>	<i>27,517,377</i>	<i>2,194,398</i>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>9,000,000,000</b>	<b>4,000,000,000</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>26,680,838,052</u></b>	<b><u>38,619,275,408</u></b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Văn phòng công ty</b>	<b>23,210,759,360</b>	<b>20,870,246,888</b>
Nước tư gia	6,325,074,211	5,285,063,893
Công ty QL đô thị & VSMT-TP.BMT	5,617,989,529	4,319,677,529
Ban Bồi Thường Giải Phóng MB (TT phát triển quỹ đất)	3,050,464,459	3,659,461,459
Dự án cấp nước Hộ Nghèo ( Công ty )	1,258,656,000	1,258,656,000
Cty Cấp thoát nước & QLCT đô thị đăkNông	1,251,674,741	1,251,674,741
Công ty CP Xây lắp điện Tuy Phước (CT Phù Mỹ)	1,190,216,452	1,190,216,452
Ban QL các DA Thành phố BMT	1,106,814,529	1,106,814,529
Nước cơ quan	909,391,767	498,848,040
Nước Buôn Hồ	708,675,170	593,253,899
Nước Krông Pak	347,037,122	265,221,108
Nước EaSúp	283,569,483	204,271,273
Ban QL Dự án Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	239,458,000	239,458,000
Công ty TNHH Anh Minh ( CT. Dung Quất )	189,187,127	189,187,127
Nước CưMGar	164,450,292	128,632,729
Trung tâm nước sinh hoạt môi trường	111,484,914	111,484,914
Ban QL trại giam đăk Trung	103,472,365	103,472,365
Các đối tượng khác	353,143,199	464,852,830
<b>Xí nghiệp tư vấn</b>	<b>4,060,560,565</b>	<b>3,111,167,565</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>27,271,319,925</u></b>	<b><u>23,981,414,453</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Văn phòng công ty</b>	<b>2,940,692,203</b>	<b>645,426,945</b>
Công ty TNHH XD Tiến Thịnh	1,776,258,550	-
Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu	643,397,000	-
Công ty Tư vấn Xây dựng Tây Hà	161,100,000	161,100,000
Cty TNHH TVXD Cao Nguyên.	110,000,000	20,000,000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015**

Công ty TNHH Tư Vấn & Xây dựng Hiệp Tân	69,663,000	69,663,000
Trần Thị Khánh Ly (bảo hộ LĐ)	63,000,000	58,500,000
Cty TNHH Kỹ thuật Truyền thông TN Media	50,050,000	50,050,000
Các đối tượng khác	67,223,653	286,113,945
<b>Xí nghiệp tư vấn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2,940,692,203</b>	<b>645,426,945</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Văn phòng công ty</b>	<b>10,184,812,291</b>	<b>9,416,101,476</b>
Tạm ứng lương Krông Pák ( đội Dũng )	615,877,092	615,877,092
Công ty TNHH tư vấn xây dựng đồng Dương	521,499,097	521,499,097
Đội xây lắp Dũng + Tâm (Tuyển ồng Cấp III)	466,771,249	466,771,249
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng đại Thăng	95,395,000	95,395,000
Dự án cấp nước Thị trấn Gia Nghĩa - đắk Nông	36,127,000	36,127,000
Kho bạc Nhà nước DakLak (Tiền Tạm giữ chờ QT)	27,000,000	27,000,000
Các khoản tạm ứng (TK141)	8,115,344,025	7,579,266,440
Các đối tượng khác	306,798,828	74,165,598
<b>Xí nghiệp tư vấn</b>	<b>546,717,213</b>	<b>674,841,353</b>
<b>Cộng</b>	<b>10,731,529,504</b>	<b>10,090,942,829</b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Văn phòng công ty</b>	<b>15,011,917,396</b>	<b>14,791,994,698</b>
Nguyên vật liệu	11,852,411,669	9,872,066,548
Công cụ, dụng cụ	113,354,422	113,354,422
Chi phí dở dang	3,046,151,305	4,806,573,728
<b>Xí nghiệp tư vấn</b>	<b>456,822,977</b>	<b>1,598,129,897</b>
Chi phí dở dang	456,822,977	1,598,129,897
<b>Cộng</b>	<b>15,468,740,373</b>	<b>16,390,124,595</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	86,287,260,928	16,287,953,366	191,956,898,979	8,997,652,285	303,529,765,558
Mua trong năm	480,663,431	75,370,483	83,608,419,626	726,183,000	84,890,636,540
Đầu tư XD CB hoàn thành	481,585,243	1,648,878,288	7,732,083,171	-	9,862,546,702
<b>Số cuối năm</b>	<b>87,249,509,602</b>	<b>18,012,202,137</b>	<b>283,297,401,776</b>	<b>9,723,835,285</b>	<b>398,282,948,800</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	44,473,542,462	13,779,871,872	87,516,703,749	7,802,709,941	153,572,828,024
Khấu hao trong năm	5,038,412,555	1,238,072,857	13,115,435,176	942,384,410	20,334,304,998
<b>Số cuối năm</b>	<b>49,511,955,017</b>	<b>15,017,944,729</b>	<b>100,632,138,925</b>	<b>8,745,094,351</b>	<b>173,907,133,022</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015**

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	41,813,718,466	2,508,081,494	104,440,195,230	1,194,942,344	149,956,937,534
Số cuối năm	37,737,554,585	2,994,257,408	182,665,262,851	978,740,934	224,375,815,778

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bán quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	-	-	413,240,000	714,719,090	1,127,959,090
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	413,240,000	714,719,090	1,127,959,090
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	-	-	91,845,328	182,849,832	274,695,160
Khấu hao trong năm	-	-	37,083,996	182,849,832	219,933,828
Số cuối năm	-	-	128,929,324	365,699,664	494,628,988
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	-	321,394,672	531,869,258	853,263,930
Số cuối năm	-	-	284,310,676	349,019,426	633,330,102

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	40,782,849,262	32,983,498,909
Di dời CNSH, mở rộng đường HCM qua địa bàn Huyện Krông Bq	15,837,915,319	15,781,817,113
Dự án Cấp nước 3 Huyện (EaKar - Buôn đôn - Krông Năng)	9,428,883,842	1,346,962,257
Dự án Cấp nước mặt hồ EaChuCấp	14,529,294,061	14,511,660,182
Các công trình khác	986,756,040	1,343,059,357
Xí nghiệp tư vấn	-	-
Cộng	40,782,849,262	32,983,498,909

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	4,499,408,069	4,978,831,727
Chi phí cải tạo, sửa chữa hệ thống nước; đồng hồ nước	4,499,408,069	4,978,831,727
Xí Nghiệp Tư Vấn	-	-
Cộng	4,499,408,069	4,978,831,727

**10. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	11,443,651,025	19,830,803,231
Nguyễn Vương Thành (CT Buôn Ky)	4,778,694,926	4,392,019,501
Nguyễn Vương Thành (Thôn 4,9,10,11 Hòa Thắng)	2,266,648,280	2,266,648,280
Quản lý công trình vốn khấu hao	827,589,635	265,180,764
Nguyễn Văn Thạnh (CT Q16 14 phía Nam)	763,387,073	763,387,073



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015**

Nguyễn Vương Thành (QL14 phía Nam)	490,320,418	490,320,418
Võ Văn Dũng (CT. Công nghệ, thu nước, hàng rào)	349,721,720	349,721,720
Công ty CTN và QLCT đô thị Đắk Nông	109,435,466	109,435,466
Võ Văn Dũng (CT. Thoát nước Bình Thuận)	103,372,425	103,372,425
Công ty Cổ Phần Nhựa đồng Nai	100,967,240	-
Các đối tượng khác	869,036,458	10,306,240,200
<b>Xí Nghiệp Tư Vấn</b>	<b>2,117,778,766</b>	<b>2,682,323,465</b>
<b>Cộng</b>	<b>13,561,429,791</b>	<b>22,513,126,696</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Thuế phải nộp Nhà nước</b>	<b>400,611,976</b>	<b>12,100,461,962</b>	<b>10,845,979,641</b>	<b>1,655,094,297</b>
<b>Thuế GTGT hàng bán nội địa</b>	<b>(79,003,586)</b>	<b>5,890,668,041</b>	<b>5,580,100,879</b>	<b>231,563,576</b>
- Văn phòng công ty		5,679,524,313	5,447,960,737	231,563,576
- Xí Nghiệp Tư Vấn	(79,003,586)	211,143,728	132,140,142	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>290,605,939</b>	<b>1,167,215,264</b>	<b>646,334,420</b>	<b>811,486,783</b>
- Văn phòng công ty	312,792,430	1,095,391,254	646,334,420	761,849,264
- Xí Nghiệp Tư Vấn	(22,186,491)	71,824,010	-	49,637,519
<b>Tiền thuế đất</b>	<b>78,577,496</b>	<b>1,364,325,284</b>	<b>1,023,383,499</b>	<b>419,519,281</b>
<b>Các loại thuế khác</b>	<b>110,432,127</b>	<b>3,678,253,373</b>	<b>3,596,160,843</b>	<b>192,524,657</b>
- Thuế tài nguyên	123,962,975	2,193,893,874	2,112,714,525	205,142,324
- Thuế môn bài		9,000,000	9,000,000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	(13,530,848)	1,475,359,499	1,474,446,318	(12,617,667)
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>384,921,605</b>	<b>4,730,570,634</b>	<b>4,651,173,943</b>	<b>464,318,296</b>
Phí, lệ phí	384,921,605	4,730,570,634	4,651,173,943	464,318,296
<b>Cộng</b>	<b>785,533,581</b>	<b>16,831,032,596</b>	<b>15,497,153,584</b>	<b>2,119,412,593</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Kinh doanh nước sinh hoạt	5%
- Xây lắp, tư vấn thiết kế	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thuế TNDN của đơn vị trong năm 2015 là 22%

**Tiền thuế đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015**

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng công ty	10,622,459,973	10,697,071,726
Tin dụng chuyên ngành Hiệp định VN X-3	8,059,727,581	8,059,727,581
Vật tư Dự án bán giao_2002	1,767,152,441	1,767,152,441
Xí nghiệp xây lắp cũ	124,185,006	124,185,006
KPCD	76,792,710	99,396,125
BHXH	-	65,965,610
Các đối tượng khác	594,602,235	580,644,963
Xí Nghiệp Tư Vấn	<u>90,738,000</u>	<u>90,738,000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>10,713,197,973</u></b>	<b><u>10,787,809,726</u></b>

**13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư CSH</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn CSH</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Nguồn vốn đầu tư XDCB</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa PP</u>
Số đầu năm nay	183,353,861,697	3,908,204	10,494,546,457	20,166,804,000	-
Tăng(giảm) vốn năm nay	-	-	36,053,020	101,151,302,600	-
Trích quỹ năm nay	-	-	-	-	(3,702,825,537)
Chi các quỹ năm nay	-	-	-	-	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	3,702,825,537
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>183,353,861,697</u></b>	<b><u>3,908,204</u></b>	<b><u>10,530,599,477</u></b>	<b><u>121,318,106,600</u></b>	<b><u>-</u></b>

**VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b><u>101,867,109,047</u></b>	<b><u>102,860,699,730</u></b>
- Doanh thu sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt	85,945,489,271	83,578,131,905
- Doanh thu xây lắp	13,643,691,142	16,085,572,021
- Doanh thu tư vấn khảo sát thiết kế, doanh thu khác	2,277,928,634	3,196,995,804
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b><u>56,261,775</u></b>	<b><u>133,629,870</u></b>
- Giảm giá hàng bán	52,043,751	63,911,481
- Hàng bán bị trả lại	4,218,024	69,718,389
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>101,810,847,272</u></b>	<b><u>102,727,069,860</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn sản xuất nước	72,769,821,637	68,412,423,744
Giá vốn hoạt động xây dựng, lắp đặt	9,225,379,047	11,600,225,975
Giá vốn hoạt động tư vấn, khảo sát thiết kế, khác	1,775,561,596	2,624,966,864
<b>Cộng</b>	<b><u>83,770,762,280</u></b>	<b><u>82,637,616,583</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015**

**3. Doanh thu tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	333,341,096	354,156,594
<b>Cộng</b>	<b>333,341,096</b>	<b>354,156,594</b>

**4. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Điều chỉnh giảm tiền thuế đất 2014 theo QĐ 1407	259,339,985	391,198,500
Thu hồi vật tư	79,935,591	109,237,452
Thu nhập khác	110,583,248	221,475,547
<b>Cộng</b>	<b>449,858,824</b>	<b>721,911,499</b>

**5. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	335,483,126	66,481,697
Chi phí mua xi măng ủng hộ làm đường (công ích)	100,000,000	-
Xuất ĐC giảm kho hóa chất clo hơi	53,649,000	-
Chi 30% tiền thu phạt vi phạm hợp đồng	25,770,000	29,160,000
Chi phí khác	19,428,682	108,879,105
<b>Cộng</b>	<b>534,330,808</b>	<b>204,520,802</b>

**6. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,870,040,801	5,677,092,618
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	435,483,126	586,999,236
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5,305,523,927	6,271,795,928
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>1,167,215,264</b>	<b>1,379,795,104</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm(*)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1,167,215,264</b>	<b>1,379,795,104</b>

**VII. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

<u>Chỉ tiêu</u>		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	23.40	32.18
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	76.60	67.82
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	10.67	23.11
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	89.33	76.89
<b>Khả năng thanh toán</b>			

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2015**

Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	9.37	4.33
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2.19	1.78
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.71	0.77
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4.78	5.53
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3.64	3.97
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1.38	1.61
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1.05	1.15
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	1.17	1.29

Người lập biểu

**ĐẶNG THỊ NGỌC LINH**

Kế toán trưởng

**TRẦN TRỌNG PHÁT**



tháng 03 năm 2016

**TRẦN VĂN THIỆN**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**Đỗ Văn Chính**